

XÂY DỰNG KHUNG ĐẠO ĐỨC VÀ LIÊM CHÍNH TRONG GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ BỐI CẢNH TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH: TIẾP CẬN TỪ NĂNG LỰC THÍCH ỨNG SỐ CỦA GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC

Vũ Kim Anh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI) đã tạo ra những thách thức chưa từng có đối với liêm chính học thuật trong giáo dục đại học, đặc biệt là trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ. Bài viết này tập trung xây dựng khung đạo đức và liêm chính học thuật thông qua việc tiếp cận từ năng lực thích ứng số (digital resilience) của giảng viên. Bằng phương pháp phân tích lý luận và giải pháp, nghiên cứu chỉ ra rằng liêm chính trong kỷ nguyên AI cần được chuyển dịch từ tập trung vào sản phẩm cuối cùng sang kiểm soát quy trình học thuật. Bài viết đề xuất Khung đạo đức đa tầng gồm ba cấp độ: (1) Cấp độ giảng viên (Trách nhiệm minh bạch và thẩm định); (2) Cấp độ người học (Ý thức cộng tác và trích dẫn AI); (3) Cấp độ hệ thống (Đổi mới kiểm tra đánh giá và kiến tạo vùng an toàn tâm lý). Kết quả nghiên cứu khẳng định việc nâng cao năng lực nội tại cho giảng viên là giải pháp bền vững để làm chủ đạo đức công nghệ và bảo vệ các giá trị nhân văn của giáo dục ngôn ngữ trước làn sóng AI.

Từ khóa: Đạo đức AI, Liêm chính học thuật, Giảng dạy ngôn ngữ, Năng lực thích ứng số, Trí tuệ nhân tạo tạo sinh.

ESTABLISHING AN ETHICAL AND ACADEMIC INTEGRITY FRAMEWORK IN LANGUAGE TEACHING AMIDST THE GENERATIVE AI ERA: AN APPROACH FROM UNIVERSITY LECTURERS' DIGITAL RESILIENCE

Abstract: The explosion of Generative Artificial Intelligence (GenAI) has created unprecedented challenges for academic integrity in higher education, particularly in the field of language teaching. This paper focuses on establishing an ethical and academic integrity framework by approaching it through the lens of language teachers' digital resilience. Utilizing a theoretical and solution-oriented analysis method, the research indicates that integrity in the AI era needs to shift from a product-based focus to process-based academic control. The article proposes a multi-layered Ethical Framework consisting of three levels: (1) Teacher Level (Transparency and critical validation responsibilities); (2) Learner Level (Collaborative awareness and AI attribution); (3) Systemic Level (Assessment innovation and creating a psychological safe zone). The research findings confirm that enhancing the internal capacity of educators is a sustainable solution for mastering technological ethics and safeguarding the humanistic values of language education amidst the AI wave.

Keywords: AI Ethics, Academic Integrity, Language Teaching, Digital Resilience, Generative AI.

Nhận bài: 13/02/2026

Phản biện: 14/03/2026

Duyệt đăng: 17/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI - GenAI), điển hình là các mô hình ngôn ngữ lớn (LLMs), đã tạo ra một bước ngoặt chưa từng có trong lịch sử giáo dục đại học. Trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ, GenAI không chỉ dừng lại ở vai trò một công cụ hỗ trợ mà đang dần tái định nghĩa lại bản sắc và trách nhiệm của người thầy. Theo UNESCO (2023), sự xuất hiện của các thực thể kỹ thuật số có khả năng tạo lập văn bản lưu loát, dịch thuật đa ngữ và mô phỏng giao tiếp tự nhiên đã đặt giảng viên trước một thách thức mang tính hiện sinh: làm thế nào để duy trì vai trò chủ đạo khi các kỹ năng ngôn ngữ cốt lõi đang bị "hàng hóa hóa" bởi thuật toán.

Tuy nhiên, sự giao thoa giữa giáo dục và công nghệ này lại nảy sinh một xung đột giá trị sâu sắc. Một mặt, GenAI mang đến khả năng cá nhân hóa học tập và tối ưu hóa hiệu suất giảng dạy vượt trội. Mặt khác, nó mở ra những "lỗ hổng" nghiêm trọng về liêm chính học thuật và đạo đức số.

Giảng viên hiện đang rơi vào trạng thái "khủng hoảng niềm tin" khi các phương pháp đánh giá truyền thống trở nên bất lực trong việc phân biệt giữa năng lực thực chất của người học và sản phẩm từ thuật toán (Sullivan et al., 2023). Những rủi ro về sự thiên kiến dữ liệu, hiện tượng "ảo giác tri thức" (hallucination) và sự xói mòn tư duy phản biện đang trở thành rào cản tâm lý lớn, khiến nhiều nhà sư phạm có xu hướng bài trừ thay vì tích hợp công nghệ (Cotton et al., 2023).

Trước thực trạng đó, việc thiết lập các quy tắc đạo đức trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, đạo đức trong kỷ nguyên số không nên chỉ dừng lại ở những văn bản quy định mang tính cấm đoán hay trừng phạt. Thay vào đó, nó cần được nhìn nhận như một thành tố cốt lõi của năng lực thích ứng số (digital resilience). Đây là khả năng giảng viên không chỉ tồn tại mà còn phát triển, giữ vững các giá trị nghề nghiệp và liêm chính học thuật thông qua việc làm chủ các biến động công

nghe (Vũ Kim Anh, 2026). Khi giảng viên sở hữu năng lực thích ứng số cao, họ sẽ có đủ bản lĩnh để chuyển dịch từ tâm thế “đổi đầu” sang “cộng tác có trách nhiệm” với AI.

Xuất phát từ bối cảnh trên, bài viết này hướng tới mục tiêu đề xuất một Khung đạo đức và liên chính 3 cấp độ (Giảng viên - Người học - Hệ thống). Khung nguyên tắc này không dựa trên sự kiểm soát kỹ thuật thuần túy, mà tập trung vào việc nâng cao năng lực nội tại và ý thức trách nhiệm của người làm công tác sư phạm. Đây được xem là “kim chỉ nam” giúp giảng viên ngôn ngữ bảo vệ các giá trị nhân văn của giáo dục trong bối cảnh bùng nổ của trí tuệ nhân tạo.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và bối cảnh nghiên cứu

Trong bối cảnh giáo dục đại học hiện đại và sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh, năng lực thích ứng số của giảng viên không còn chỉ được hiểu là khả năng sử dụng công cụ công nghệ, mà là năng lực duy trì trạng thái tâm lý ổn định, linh hoạt và chủ động trước những biến động công nghệ. Năng lực này bao gồm khả năng nhận diện rủi ro số, phục hồi trước áp lực công nghệ và chuyển hóa thách thức thành cơ hội đổi mới sư phạm. Đối với giảng viên, đây là một biến số điều phối quan trọng đối với ý định hành vi trong bối cảnh công nghệ thay đổi nhanh. Khi đối diện với các rủi ro đạo đức của AI, giảng viên có thể hình thành tâm lý né tránh nhằm bảo vệ liên chính nghề nghiệp. Tuy nhiên, nếu có năng lực thích ứng số cao, họ sẽ không xem những lỗ hổng đạo đức của AI là rào cản tuyệt đối mà coi đó là những vấn đề cần được kiểm soát và giải quyết một cách có ý thức. Nhờ đó, giảng viên duy trì được sự tự tin vào năng lực bản thân, chủ động thiết lập các chuẩn mực đạo đức mới thay vì thụ động chờ đợi quy định từ bên ngoài, đồng thời đủ bản lĩnh để hướng dẫn người học sử dụng AI một cách chính trực và sáng tạo.

Sự xuất hiện của AI tạo sinh cũng làm thay đổi cách hiểu truyền thống về liên chính học thuật. Trước đây, liên chính chủ yếu được xem xét trên phương diện sản phẩm, tức tập trung vào kết quả cuối cùng như bài viết, bản dịch hay báo cáo nghiên cứu. Trong mô hình này, mọi sự can thiệp không được ghi nhận vào sản phẩm đều dễ bị xem là vi phạm đạo đức. Tuy nhiên, với khả năng tạo văn bản trôi chảy như con người của các mô hình ngôn ngữ lớn, ranh giới giữa năng lực thực chất của người học và sản phẩm do thuật toán hỗ trợ

ngày càng trở nên mờ nhạt. Từ đó, giáo dục hiện đại đang chuyển dần sang cách tiếp cận liên chính quy trình, nhấn mạnh vào cách thức người học sử dụng công cụ để đạt mục tiêu học tập. Liên chính không còn được hiểu là sự vắng mặt của AI, mà là sự hiện diện của trách nhiệm con người trong toàn bộ quá trình tương tác với công nghệ. Điều này đòi hỏi người học phải minh bạch về giai đoạn AI tham gia, đồng thời thể hiện nỗ lực nhận thức thông qua việc kiểm chứng, phản biện và điều chỉnh các gợi ý của máy móc.

Trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ, vấn đề đạo đức AI càng trở nên đặc biệt vì ngành này gắn chặt với tính nhân văn, sự thấu cảm và độ chính xác tri thức. Khác với các ngành thiên về tính chính xác kỹ thuật, học ngôn ngữ là quá trình rèn luyện tư duy, hình thành bản sắc cá nhân và phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa. Vì vậy, đạo đức AI trong ngành ngôn ngữ không chỉ là chống gian lận mà còn là bảo vệ tiếng nói cá nhân, tính xác thực của cảm xúc và bối cảnh văn hóa. Khi AI có thể mô phỏng ngôn ngữ rất hoàn chỉnh, nguy cơ xuất hiện là người học dựa vào sự lưu loát bề mặt của máy móc mà từ bỏ tư duy độc lập. Bên cạnh đó, hiện tượng AI tạo ra thông tin sai lệch nhưng trình bày thuyết phục cũng đặt ra thách thức lớn đối với trách nhiệm sư phạm. Do đó, giảng viên ngôn ngữ cần có năng lực thích ứng số cao để thẩm định, định hướng và bảo đảm rằng AI chỉ đóng vai trò cộng sự hỗ trợ, chứ không làm suy giảm những giá trị nhân văn cốt lõi của nghề dạy học.

2.2. Các rào cản đạo đức và sự đứt gãy niềm tin sư phạm

2.2.1. Sự mập mờ trong ranh giới gian lận: Phân tích trạng thái “căng thẳng đạo đức” (ethical tension) khi giảng viên không thể phân biệt năng lực người học và sản phẩm từ thuật toán

Trong mô hình TRA, thái độ của cá nhân bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi niềm tin rằng một hành vi có thể dẫn đến những hệ quả vi phạm chuẩn mực đạo đức. Đối với giảng viên ngôn ngữ, sự xuất hiện của AI tạo sinh đã tạo ra một vùng xám mờ mịt giữa việc “hỗ trợ học tập” và “gian lận học thuật”. Trạng thái “căng thẳng đạo đức” (ethical tension) nảy sinh khi giảng viên rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan: một mặt muốn khuyến khích người học khai phá công nghệ, mặt khác lại lo sợ sự sụp đổ của các giá trị liên chính học thuật truyền thống.

Sự căng thẳng này trở nên trầm trọng hơn khi giảng viên mất đi khả năng phân biệt giữa năng

lực thực chất của sinh viên và sản phẩm do thuật toán tạo lập. Các mô hình ngôn ngữ lớn hiện nay có thể sản xuất các bài luận, bài dịch với độ lưu loát và tư duy ngôn ngữ vượt trội, làm lu mờ hoàn toàn các dấu vết của sự thụ đắc ngôn ngữ tự nhiên. Hệ quả là, giảng viên đối mặt với một cuộc “khủng hoảng niềm tin” sâu sắc; họ không còn tin tưởng vào tính xác thực của các học liệu đầu ra từ người học.

Chính sự bất lực trong việc đo lường tiến trình học tập thực chất dẫn đến thái độ phản kháng mạnh mẽ. Theo Cotton et al. (2023), giảng viên có xu hướng coi AI là tác nhân thúc đẩy hành vi gian lận hơn là một công cụ hỗ trợ, từ đó hình thành ý định hành vi thắt chặt các quy định hoặc từ chối tích hợp công nghệ vào giáo trình để bảo vệ sự liêm chính của bằng cấp. Nếu không có năng lực thích ứng số để giải mã và quản lý ranh giới này, sự đứt gãy niềm tin sư phạm sẽ trở thành rào cản vĩnh viễn ngăn cản quá trình chuyển đổi số trong giáo dục ngôn ngữ.

2.2.2. Rủi ro từ “Áo giác AI” (Hallucination) và sự suy giảm lòng tin tri thức

Thái độ của giảng viên đối với trí tuệ nhân tạo không chỉ bị chi phối bởi nỗi sợ gian lận mà còn bởi niềm tin về chất lượng và độ chính xác của tri thức. Trong giảng dạy ngôn ngữ, tính chính xác về ngữ pháp, ngữ nghĩa và đặc biệt là ngữ cảnh văn hóa được coi là tiêu chuẩn tối thượng. Tuy nhiên, hiện tượng “ảo giác” (hallucination) - trạng thái AI tạo ra các thông tin sai lệch, không có thật nhưng trình bày dưới giọng văn vô cùng thuyết phục - đã làm suy giảm đáng kể niềm tin vào năng lực chuyên môn của công cụ này.

Alkaissi và McFarlane (2023) chỉ ra rằng việc AI có thể cung cấp các cấu trúc ngôn ngữ lỗi thời, không tự nhiên hoặc sai lệch về sự thật khiến giảng viên nảy sinh tâm lý hoài nghi về độ tin cậy của học liệu do AI tạo ra. Rủi ro đạo đức ở đây nảy sinh khi giảng viên hoặc người học vô tình sử dụng và lan truyền những tri thức sai lệch này như một chân lý học thuật. Điều này tạo nên rào cản thái độ tiêu cực: giảng viên coi việc phê duyệt AI vào giáo trình chính thức là một thách thức về mặt trách nhiệm sư phạm và danh tiếng chuyên môn.

Chính sự thiếu tin tưởng vào “trí tuệ” của máy móc đã củng cố thêm các rào cản trong mô hình TRA, khiến giảng viên có xu hướng bài trừ công nghệ để bảo vệ sự thuần khiết của tri thức ngôn ngữ. Để vượt qua điểm nghẽn này, khung đạo đức cần nhấn mạnh vào năng lực thẩm định của giảng

viên, biến họ thành những “người gác cổng” tri thức thay vì chỉ là người sử dụng công cụ thụ động.

2.2.3. Xói mòn bản sắc nghề nghiệp và sự bất an nghề nghiệp (Techno-insecurity)

Bản sắc nghề nghiệp đóng vai trò là bộ lọc trung gian định hình thái độ và hành vi của giảng viên trong mô hình TRA. Trong giảng dạy ngôn ngữ, bản sắc này gắn liền với vai trò người truyền cảm hứng văn hóa và rèn luyện tư duy phản biện cho thế hệ trẻ. Tuy nhiên, sự vượt trội của AI trong việc tạo lập văn bản và mô phỏng giao tiếp đã trực tiếp chạm đến “vùng an toàn” chuyên môn, gây ra trạng thái bất an nghề nghiệp sâu sắc (Techno-insecurity).

Resta et al. (2018) nhận định rằng nỗi sợ bị thay thế tạo ra một rào cản đạo đức mang tính phòng vệ: giảng viên lo ngại các kỹ năng cốt lõi của họ đang bị “hàng hóa hóa” bởi thuật toán. Khi cảm thấy vị thế của mình bị đe dọa, giảng viên có xu hướng hình thành thái độ bài trừ hoặc phê phán AI quá mức như một cơ chế tự vệ để bảo vệ quyền lợi nghề nghiệp thay vì nhìn nhận công cụ dưới góc độ sư phạm khách quan. Sự xói mòn bản sắc này dẫn đến hiện tượng giảng viên chuyển dịch từ tâm thế cộng tác sang đối đầu nếu họ không nhận diện được vai trò trung tâm của mình trong môi trường có AI.

Sự đứt gãy niềm tin sư phạm ở đây không chỉ là thiếu tin tưởng vào máy móc hay người học, mà còn là sự hoài nghi vào chính giá trị của người thầy trong kỷ nguyên số. Để vượt qua rào cản này, việc bồi dưỡng năng lực thích ứng số là yếu tố then chốt giúp giảng viên tái cấu trúc bản sắc, xác lập tâm thế mới để nhìn nhận AI như một cộng sự (co-pilot) hỗ trợ năng lực thay vì một thực thể thay thế con người.

2.3. Xây dựng khung đạo đức và liêm chính 3 cấp độ

Khung đạo đức và liêm chính trong giảng dạy ngôn ngữ không nên được xây dựng như một hệ thống kiểm soát từ bên ngoài, mà cần được vận hành dựa trên năng lực thích ứng số và ý thức trách nhiệm của các chủ thể tham gia. Cấp độ đầu tiên và quan trọng nhất chính là đội ngũ giảng viên - những người giữ vai trò trung tâm trong việc định hướng giá trị học thuật.

2.3.1. Cấp độ Giảng viên

Ở cấp độ này, đạo đức nghề nghiệp được cụ thể hóa thông qua hai trụ cột chính: sự minh bạch và năng lực thẩm định tri thức.

Giảng viên phải là tấm gương trong việc thực thi liêm chính học thuật bằng cách công khai các

công cụ AI được sử dụng trong quá trình thiết kế học liệu, soạn thảo bài giảng hoặc tạo lập các bài tập mẫu. Việc công bố rõ ràng mức độ can thiệp của AI (ví dụ: dùng AI để gợi ý ý tưởng hay kiểm tra lỗi ngữ pháp) giúp thiết lập một chuẩn mực đạo đức mới, khuyến khích người học có thái độ trung thực tương tự trong quá trình học tập.

Giảng viên cần thực hiện vai trò “người gác cổng” (gatekeeper) tri thức để đối phó với hiện tượng ảo giác AI. Điều này đòi hỏi giảng viên phải sử dụng năng lực chuyên môn để kiểm chứng tính chính xác, tính tự nhiên của ngôn ngữ và sự phù hợp về văn hóa trong mọi nội dung do AI gợi ý trước khi đưa vào giảng dạy chính thức.

Sự kết hợp giữa minh bạch và thẩm định giúp chuyển dịch vai trò của giảng viên từ người truyền thụ thụ động sang người giám sát có trách nhiệm. Thay vì lo ngại rủi ro đạo đức, giảng viên chủ động thiết lập ranh giới cho việc sử dụng công nghệ, từ đó tạo ra một môi trường học thuật chính trực, nơi AI được tích hợp như một cộng sự (co-pilot) dưới sự điều phối trí tuệ của con người.

2.3.2. *Cấp độ người học*

Ở cấp độ này, liên chính học thuật chuyển dịch từ sự kiểm soát của giảng viên sang sự tự giác của người học, dựa trên nền tảng cộng tác có trách nhiệm với công nghệ.

Người học cần được hướng dẫn cách thức minh bạch hóa sự hiện diện của AI trong sản phẩm học thuật của mình. Điều này bao gồm việc mô tả cụ thể các giai đoạn mà AI tham gia (như tìm kiếm ý tưởng, tóm tắt tài liệu, hoặc kiểm tra lỗi cú pháp) và các công cụ cụ thể đã sử dụng (ví dụ: ChatGPT, Claude, hay các công cụ hỗ trợ dịch thuật). Việc ghi nhận này không làm giảm giá trị của bài viết mà ngược lại, khẳng định tính trung thực và trách nhiệm của người học trong việc làm chủ quy trình tạo lập nội dung.

Thay vì sử dụng AI để tạo ra kết quả cuối cùng một cách thụ động, người học được khuyến khích tương tác với AI như một đối tác phản biện. Cụ thể, sinh viên có thể yêu cầu AI đặt ra các câu hỏi ngược lại cho lập luận của mình hoặc đưa ra các góc nhìn đa chiều về một vấn đề ngôn ngữ, từ đó giúp người học tinh lọc tư duy cá nhân. Trong giảng dạy ngôn ngữ, điều này giúp bảo vệ “tiếng nói cá nhân” (voice) và bản sắc văn hóa của người học – những giá trị mà AI chỉ có thể mô phỏng nhưng không thể thay thế.

Sự chuyển dịch này đòi hỏi người học phải ý thức rằng nỗ lực nhận thức (cognitive effort) chính

là thước đo thực chất của việc học ngôn ngữ. Khi AI đảm nhận các tác vụ lặp đi lặp lại, người học cần tập trung vào các kỹ năng tư duy bậc cao như phân tích, đánh giá và sáng tạo dựa trên các gợi ý từ máy móc.

2.3.3. *Cấp độ hệ thống*

Để khung đạo đức thực sự đi vào đời sống học thuật, các cơ sở giáo dục đại học cần thực hiện những chuyển dịch mang tính hệ thống nhằm hỗ trợ năng lực thích ứng số của cả giảng viên và người học.

Nhà trường cần thúc đẩy sự dịch chuyển từ đánh giá kết quả (Summative Assessment) sang đánh giá quá trình (Process-based Assessment). Trong giảng dạy ngôn ngữ, thay vì chỉ chấm điểm dựa trên bài luận cuối kỳ — vốn là “mục tiêu mềm” của AI — hệ thống đánh giá nên tập trung vào các thành phần như: nhật ký học tập, bản thảo sơ thảo (drafts) có ghi chú chỉnh sửa, và đặc biệt là các buổi vấn đáp trực tiếp để kiểm chứng tư duy phản biện của sinh viên. Sự thay đổi này giúp loại bỏ động cơ gian lận và khẳng định giá trị của nỗ lực nhận thức cá nhân.

Nhà trường cần sớm ban hành bộ quy tắc ứng xử (Code of Conduct) minh bạch về việc sử dụng AI trong học thuật. Bộ quy tắc này đóng vai trò “lá chắn” giúp giải tỏa trạng thái căng thẳng đạo đức cho giảng viên, cho phép họ an tâm thử nghiệm các phương pháp sư phạm mới có tích hợp AI mà không lo ngại rủi ro về liên chính hay danh tiếng chuyên môn. Đồng thời, Nhà trường nên đầu tư vào hạ tầng số (như tài khoản AI bản quyền cho giảng viên) để đảm bảo sự công bằng và tính bảo mật dữ liệu.

Việc đổi mới từ cấp độ hệ thống giúp chuẩn chủ quan của tổ chức trở thành động lực thúc đẩy thay vì rào cản, tạo tiền đề cho một hệ sinh thái giáo dục ngôn ngữ chính trực và bền vững trước làn sóng trí tuệ nhân tạo.

2.4. **Thảo luận**

Kết quả phân tích cho thấy năng lực thích ứng số không chỉ là một kỹ năng kỹ thuật mà còn là nền tảng tâm lý quan trọng điều phối hành vi đạo đức của giảng viên. Khi năng lực này được nâng cao, giảng viên có thể giảm bớt căng thẳng đạo đức trước sự phát triển nhanh của công nghệ, từ đó chuyển từ trạng thái hoài nghi sang tích hợp sáng tạo và có trách nhiệm. Thay vì xem AI là yếu tố đe dọa liên chính học thuật, giảng viên có năng lực thích ứng cao sẽ biết tận dụng chính những rủi ro như hiện tượng “ảo giác AI” hay sự mơ hồ về

ranh giới sử dụng để thiết kế các tình huống tương tác mới trong dạy học. Khi đó, AI không còn chỉ là công cụ gây tranh cãi mà trở thành một đối tác phân biện, còn giảng viên giữ vai trò điều phối quy trình học thuật chính trực.

Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, việc áp dụng khung đạo đức này vừa mở ra cơ hội, vừa đặt ra nhiều thách thức. Chính sách chuyển đổi số quốc gia đang tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học cởi mở hơn với AI, đồng thời các giá trị truyền thống như tôn sư trọng đạo và tính chính danh trong khoa học là nền tảng tốt để xây dựng chuẩn mực liêm chính học thuật mới. Tuy nhiên, trở ngại lớn là sự chênh lệch năng lực số giữa các thể hệ giảng viên, sự thiếu hụt khung pháp lý cụ thể và thói quen đánh giá dựa trên sản phẩm cuối cùng. Vì vậy, để khung đạo đức này thực sự khả thi, cần có sự đồng bộ giữa bồi dưỡng năng lực thích ứng số cho cá nhân và đổi mới tư duy quản lý ở cấp hệ thống, đồng thời xây dựng những môi trường học thuật an toàn để thử nghiệm AI dưới các chuẩn mực đạo đức minh bạch.

III. KẾT LUẬN

Bài viết đã xây dựng một khung lý luận và giải pháp hệ thống nhằm giải quyết các thách thức về đạo đức và liêm chính trong giảng dạy ngôn ngữ dưới tác động của trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng liêm chính học thuật trong kỷ nguyên số không thể chỉ duy trì bằng các biện pháp kỹ thuật hay cấm đoán thụ động. Thay vào đó, nó đòi hỏi một sự chuyển dịch căn bản từ “liêm chính sản phẩm” sang “liêm chính quy trình”, nơi nỗ lực nhận thức của người học và trách nhiệm thẩm định của giảng viên được đặt lên hàng đầu.

Việc đề xuất khung đạo đức 3 cấp độ (Giảng viên - Người học - Hệ thống) dựa trên nền tảng nâng cao năng lực thích ứng số (digital resilience) cho thấy: đạo đức AI chính là một phần năng lực nội tại của người làm công tác sư phạm. Khi giảng viên sở hữu năng lực thích ứng cao, họ sẽ có đủ bản lĩnh để biến các rào cản tâm lý như nỗi sợ bị thay thế hay sự hoài nghi tri thức thành động lực để đổi mới phương pháp đánh giá và kiến tạo các giá trị nhân văn mới trong giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alkaiissi, H., & McFarlane, S. I. (2023). Artificial intelligence in medical writing: A friend or a foe? *Cureus*, 15(2). <https://doi.org/10.7759/cureus.33357>
- Biesta, G. (2020). *Risking education: An essay on the ontology of education*. Routledge.
- Cotton, D. R., Cotton, P. A., & Shipway, J. R. (2023). Chatting and cheating: Ensuring academic integrity in the era of ChatGPT. *Innovations in Education and Teaching International*.
- Guichon, N., & Cohen, C. (2016). Multimodality and CALL. *In The Routledge handbook of language learning and technology*. Routledge.
- Lodge, J. M., & Thompson, K. (2023). The future of assessment in the era of generative AI. *Journal of University Teaching & Learning Practice*, 20(2).
- Resta, P., Laferrière, T., McLaughlin, R., & Kouraogo, A. (2018). Issues and challenges related to digital equity. Trong *Second Handbook of Information Technology in Primary and Secondary Education* (tr. 987-1004). Springer.
- Selwyn, N. (2020). *Should robots replace teachers? AI and the future of education*. Polity Press.
- Sullivan, M., Kelly, A., & McLaughlan, P. (2023). ChatGPT in higher education: Considerations for academic integrity and student learning. *Journal of Applied Learning and Teaching*, 6(1).
- Tondeur, J., Petko, D., Christensen, R., Deryakulu, D., & Starkey, L. (2021). A multilevel analysis of what matters in the digital transformation of education. *British Journal of Educational Technology*, 52(1), 7-12.
- UNESCO. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.
- Vũ Kim Anh. (2026). Ứng dụng lý thuyết hành vi hợp lý trong việc giải mã tâm lý giảng viên ngôn ngữ trước làn sóng AI: Một nghiên cứu tổng quan. *Tạp chí Tâm lý - Giáo dục*, 32(02), 67-75.